

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2025

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao
	TỔNG SỐ	9.499.828.155
A	Dự toán thu	-
I	Tổng số thu	-
1	Thu phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	Thu tiền cho thuê phòng trọ	
	Thu tiền phục vụ điều dưỡng ngoài tỉnh	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)	
4	Thu sự nghiệp khác	
	(Chi tiết theo từng loại thu)	
II	Số thu nộp NSNN	
1	Phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	
	(Chi tiết theo từng loại thu)	
III	Số được để lại chi theo chế độ	
1	Phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Thu viện trợ	

4	Hoạt động sự nghiệp khác	
	<i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.060.022.552
1	Chi quản lý hành chính	7.081.022.552
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.827.290.363
-	Quản lý Nhà nước	4.725.726.731
-	Cải cách tiền lương	101.000.000
-	Cải cách tiền lương năm trước chuyển sang	563.632
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.253.732.189
-	Cải cách tiền lương năm trước chuyển sang	8.873.033
-	Chi nghiệp vụ công tác Tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Tin lành, tôn giáo khác,...)	953.973.156
-	Kinh phí hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo cho chức sắc, nhà tu hành các tổ chức giáo hội cấp tỉnh	148.000.000
-	Kinh phí sửa chữa tài sản và máy móc thiết bị	90.000.000
-	Kinh phí hoạt động Đảng bộ cơ sở	50.000.000
-	Trang phục thanh tra	12.000.000
-	KP thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc)	135.000.000
-	Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc	421.886.000
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	344.000.000
-	KP triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số	90.000.000
2	Chi sự nghiệp	979.000.000
2.1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	79.000.000
-	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc	45.000.000
-	Hỗ trợ KP đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh	34.000.000
2.2	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	-
2.3	Chi sự nghiệp kinh tế	-
2.4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-

2.5	<i>Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội</i>	<i>900.000.000</i>
-	Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	900.000.000
C	Kinh phí CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	1.439.805.603
-	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	950.434.675
-	Chi sự nghiệp kinh tế	232.218.928
-	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	700.000
-	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	256.452.000